

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS - ST

Ngày: 27- 4 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Danh Tuyên - Nghề nghiệp: Hưu trí

2. Bà Lê Thị Hồng – Nghề nghiệp: Giáo viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Thanh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXX - ST ngày 10 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng CSXH.

Địa chỉ: Số 169, phố L, Phường HL, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt H - Chức vụ: Giám đốc PGD ngân hàng CSXH, huyện N, tỉnh Nghệ An

(Văn bản ủy quyền số 7300/QQĐ-NHCS ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng CSXH). (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1970

Địa chỉ: xóm 1, xã ND, huyện N, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Việt H trình bày:

Vào các ngày 01/11/2011; 19/03/2014; 21/04/2015; 24/03/2016 giữa bà Nguyễn Thị V và Ngân hàng CSXH huyện N ký kết các hợp đồng tín dụng cho vay với tổng số tiền 45.220.000 đồng (Trong đó: 30.000.000 đồng chương trình cho vay Hộ cận nghèo, ngày 21/4/2015 là 20.000.000đ và ngày 24/3/2016 là 10.000.000đ; 8.000.000 đồng cho vay chương trình NS&VSMT ngày 19/3/2014; 20.000.000 đồng chương trình cho vay học sinh sinh viên ngày 01/11/2011). Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 01/11/2011 NHCSXH cho bà Nguyễn Thị V vay 20 triệu đồng chương trình HSSV (sinh viên Dương Minh H) với lãi suất trong hạn 0.65%/ tháng, ngày đến hạn 21/10/2016.

- Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 19/03/2014 NHCSXH cho bà Nguyễn Thị V vay 8 triệu đồng chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường với lãi suất trong hạn 0.8%/ tháng, ngày đến hạn 21/04/2017.

- Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 21/04/2015 NHCSXH cho bà Nguyễn Thị V vay 20 triệu đồng chương trình Hộ cận nghèo với lãi suất trong hạn 0.72%/tháng, ngày đến hạn 21/05/2018.

- Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 24/03/2016 NHCSXH cho bà Nguyễn Thị V vay 20 triệu đồng chương trình Hộ cận nghèo với lãi suất trong hạn 0.72%/tháng, ngày đến hạn 21/05/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng; bà Nguyễn Thị V không thực hiện chấp hành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Đến ngày 15/02/2017 bà V trả được số tiền vay 12.777.424 đồng chương trình vay Học sinh sinh viên, còn lại 7.220.000 đồng xin gia hạn đến 21/10/2017 nhưng không trả như đã cam kết. Ngày 21/10/2017 Ngân hàng CSXH huyện N chuyển số nợ sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn 0.845%/ tháng.

Đến ngày 21/04/2018 Ngân hàng CSXH huyện N đã chuyển số nợ NS&VSMT là 8.000.000 đồng sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn 1.04%/tháng.

Đến ngày 21/04/2019 và 21/08/2019 Ngân hàng CSXH huyện N đã chuyển số nợ Hộ cận nghèo lần lượt 10.000.000 đồng; 20.000.000 đồng sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn 0.936%/tháng.

Ngân hàng CSXH huyện N đã phối hợp với chính quyền địa phương, tổ tiết kiệm và vay vốn, hội đoàn thể cấp xã trực tiếp gửi thông báo trả nợ và đôn đốc bà

Nguyễn Thị V trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị V đến nay vẫn không nộp. Đến ngày 27/04/2020 bà V còn tổng nợ gốc 45.220.000 đồng và tổng nợ lãi là: 12.351.000 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn 10.878.000 đồng, nợ lãi quá hạn 1.473.000 đồng), tổng nợ cả gốc và lãi là 57.571.000 đồng. Hiện tại bà V đã đi đâu không rõ và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho phía Ngân hàng nên Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An buộc bà Nguyễn Thị V trả toàn bộ số tiền nợ gốc 45.220.000 đồng và toàn bộ tiền nợ lãi đến thời điểm trả hết nợ gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị V vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An đã tiến hành xác minh và xác định được bị đơn bà Nguyễn Thị V có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 1, xã NĐ, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hiện tại bà Nguyễn Thị V không có mặt tại nơi cư trú. Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N không thể tiến hành được việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Nguyễn Thị V. Tòa án đã tiến hành việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định tư cách pháp lý của các đương sự; thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải; cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự; thực hiện thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thư ký Tòa án thực hiện ghi biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra báo cáo danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục bắt đầu phiên tòa, thực hiện nội dung, phương thức, thứ tự tranh tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị V, trú tại xóm 1, xã NĐ, huyện N, tỉnh Nghệ An phải trả số tiền nợ cho nguyên đơn Ngân hàng CSXH số tiền nợ gốc là

45.220.000 đồng và toàn bộ tiền nợ lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: bà Nguyễn Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Tại Sổ vay vốn; 04 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay; Giấy ủy quyền ngày 09/5/2017; 02 Giấy xác nhận; 04 Sổ lưu từ rơi theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ; 05 Giấy đề nghị gia hạn nợ thể hiện nội dung địa chỉ của bị đơn bà Nguyễn Thị V tại xóm 1, xã NĐ, huyện N, tỉnh Nghệ An; địa chỉ này đã có xác nhận của chính quyền địa phương nên nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn. Theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã không tổng đạt được thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng liên quan cho bà Nguyễn Thị V, lý do bà V không có mặt tại địa phương. Bà Nguyễn Thị V là người có nghĩa vụ đối với các giao dịch với Ngân hàng CSXH huyện N; bà V thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho phía Ngân hàng chính sách xã hội biết về nơi cư trú mới là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo quy định của pháp luật thì đây được coi là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bà Nguyễn Thị V tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, UBND xã NĐ và nơi cư trú của bà V tại xóm 1, xã NĐ, huyện N, tỉnh Nghệ An để có cơ sở giải quyết vụ án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với yêu cầu về trả nợ gốc: Nguyên đơn xuất trình Sổ vay vốn; 04 giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay thể hiện nội dung: Chương trình cho vay học sinh sinh viên ngày 01/11/2011 vay 20.000.000 đồng; Chương trình cho vay nước sạch ngày 19/03/2014 vay 8.000.000 đồng; Chương trình cho vay hộ cận nghèo ngày 21/4/2015 vay 20.000.000 đồng; Chương trình cho vay hộ cận nghèo ngày 24/3/2016 vay 20.000.000 đồng. Tổng cả bốn lần vay là 58.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay nợ, ngày 15/02/2017 bà V trả được số tiền vay 12.777.424 đồng chương trình vay Học sinh sinh viên, còn lại 7.220.000 đồng.

Nay bà V còn nợ ngân hàng CSXH tiền nợ gốc của 4 hợp đồng tín dụng là 45.220.000 đồng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu về trả nợ gốc của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu tiền lãi suất:

Xét yêu cầu này của Nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu này phù hợp với các thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất trong hạn, điều chỉnh lãi suất theo biên độ, lãi suất quá hạn; đồng thời phù hợp với các quy định của pháp luật trong hoạt động tín dụng ngân hàng, phù hợp với các quy định tại Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Phù hợp với Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Như vậy tiền lãi suất được tính từ ngày 16/02/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2020) của 04 hợp đồng là: 12.351.000đ (Mười hai triệu ba trăm năm mươi một nghìn đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 10.878.000đ, nợ lãi quá hạn là 1.473.000đ.

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị V phải trả nợ cho Ngân hàng CSXH huyện N đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2020) là: 57.571.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn). Trong đó nợ gốc là 45.220.000đ (Bốn mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi nghìn) đồng, nợ lãi là 12.351.000đ (Mười hai triệu ba trăm năm mươi một nghìn đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 10.878.000đ, nợ lãi quá hạn là 1.473.000đ.

[2.2]. Về án phí: Nguyên đơn Ngân hàng CSXH Việt Nam được chấp nhận yêu cầu hơn nữa là ngân hàng của Nhà Nước nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các khoản 1 Điều 4, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40, Điều 277, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 471, 474, Điều 476, Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 718, Điều 719, Điều 720, và Điều 721 Bộ luật dân sự 2005. Điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị V phải trả nợ cho Ngân hàng CSXH số tiền tính đến ngày 27/04/2020 là: 57.571.000đ (Năm mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 45.220.000đ (Bốn mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng), nợ lãi là 12.351.000đ (Mười hai triệu ba trăm năm mươi một nghìn đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 10.878.000đ, nợ lãi quá hạn là 1.473.000đ. Buộc bà Nguyễn Thị V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất mà bên thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 2.878.000đ (hai triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Thi hành án DS h.N;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Vũ Đức Thúy